TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PQ
TỈNH KG
****

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 89/2024/DS-ST
Ngày 11-06-2024
V/v: Tranh chấp đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PQ, TỈNH KG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* **Ông Trương Văn Kiệt**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Đinh Quang Tuyến**

Bà Nguyễn Tường Diễm Linh Giang

- ***Thư ký phiên tòa:*** **Bà Nguyễn Thị Thảo Nguyên** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố PQ, tỉnh KG

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố PQ, tỉnh KG tham gia phiên tòa:*** **Ông Hoàng Văn Thái** - Kiểm sát viên

Trong ngày 11 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố PQ, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 204/2022/TLST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2022, về tranh chấp *"Đòi lại tài sản"*.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2024, quyết định hoãn phiên tòa số: 87/2024/QĐST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Văn L, sinh năm 1959

Địa chỉ: Số 630, đường Mạc Cửu, phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá, tỉnh KG.

- Người đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 29-4-2022: **Ông Nguyễn Văn Hùng, sinh năm 1985**. Địa chỉ: Số 673, đường Mạc Cửu, phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá, tỉnh KG.

2. Đồng bị đơn: Ông Dương Quốc N, sinh năm 1976

Bà Lê Thị Bích Nh, sinh năm 1984

Địa chỉ: Số 314, đường Ngô Quyền, Khu phố 4, phường Dương Đông, thành phố PQ, tỉnh KG.

Địa chỉ liên lạc: Tổ 11, ấp Cây Thông Trong, xã Cửa Dương, thành phố PQ, tỉnh KG

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị T, sinh năm 1964, (vợ ông L). Địa chỉ: Số 630, đường Mạc Cửu, phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá, tỉnh KG *(Ông Hùng có mặt; Bà Nh, bà Tơ có đơn xin xét xử vắng mặt; Xét xử văng mặt ông Năng)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 15-4-2022, ông Nguyễn Văn L trình bày:** Do có quan hệ làm ăn mua bán đất đai, ông L và ông Dương Quốc N có nhiều khoản tiền đầu tư làm ăn qua lại. Ngày 27-9-2018 ông Năng ký cam kết nội dung: *"hiện nay tôi còn nợ anh L tổng số tiền 8.800.000.000 đồng, trong đó anh L giữ của tôi một giấy sang nhượng đất 22.000m^2 và tất cả những giấy nợ không còn hiệu lực ..."*. Ông Năng còn cam kết các phương án trả nợ, trong đó có việc giao lại tài sản đang tranh chấp với ông Nguyễn Trung Thành, nếu thỏa thuận được thì bán để trừ nợ hoặc chờ có tiền bồi thường đất sẽ trả nợ.

Tuy nhiên ông Năng không thực hiện, ông L đã tố cáo đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh KG về hành vi lừa đảo của ông Năng, Công an làm việc thì ông Năng hứa nhận toàn bộ khoản nợ, sau khi kiện ông Thành lấy được tiền thì ông Năng trả đủ nợ.

Thời gian sau ông L đã nhiều lần liên hệ ông Năng để yêu cầu trả nợ nhưng ông Năng tìm đủ mọi cách để né tránh, ông L biết được ông Thành và ông Năng có tranh chấp, đã được Tòa án giải quyết đình chỉ từ năm 2019, do ông Thành rút đơn khởi kiện sau khi đã thỏa thuận xong với ông Năng. Khi giải quyết xong vụ kiện với ông Thành nhưng ông Năng vẫn cố tình không trả nợ, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông L.

Nay ông Nguyễn Văn L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố PQ giải quyết như sau: Buộc vợ chồng ông Dương Quốc N và bà Lê Thị Bích Nh phải trả số tiền 8.800.000.000 đồng tiền nợ gốc, 3.062.400.000 đồng tiền lãi tạm tính từ ngày 27-9-2018 đến ngày 27-4-2022 là 30 tháng, lãi suất bằng 1,66%/tháng. Tổng cộng gốc và lãi là 11.862.000.000 đồng *(Bà Trần Thị Tơ là*

vợ ông L, thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của ông L, bà Tơ không yêu cầu gì khác)

*** Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn Hùng là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn L trình bày:** Ông Hùng thừa nhận, theo tờ cam kết ngày 27-9-2018 là chữ ký của ông L cam kết với ông Năng có nội dung: Hiện tại ông Năng và ông Nguyễn Trung Thành đang tranh chấp với nhau, nếu có kết quả giải quyết của Tòa án thì ông Năng đồng ý giao toàn bộ số tiền trả cho ông L, ông Năng có giao bản gốc các giấy tờ gồm: Hợp đồng mua bán với ông Thành; 02 biên nhận tiền; Hợp đồng mua bán; Giấy nguồn gốc đất cho ông L giữ. Quá trình Tòa án thụ lý vụ án giữa ông Năng với ông Thành, ông L có yêu cầu ông Năng giao vụ án lại cho bên ông L để cấn trừ nợ, ông L thuê Luật sư Lê Minh Hải - thuộc đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội để đại diện cho bên ông Năng. Tuy nhiên, giữa ông Thành với Luật sư Hải giải quyết với nhau như thế nào ông L không biết, ông L không nhận được bất kỳ khoản tiền nào từ việc thỏa thuận giữa ông Thành với bên ông Năng. Do đó, việc cam kết ngày 27-9-2018 không thực hiện được nội dung.

Nay ông Hùng được ông L ủy quyền, giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L. Buộc vợ chồng ông Dương Quốc N và bà Lê Thị Bích Nh trả cho ông L số tiền 8.800.000.000 đồng tiền nợ gốc. Tiền lãi xin rút lại toàn bộ, không yêu cầu vợ chồng ông Năng trả. Ngoài ra không yêu cầu gì khác, không cung cấp tài liệu chứng cứ.

*** Tại biên bản lấy lời khai ngày 29-7-2022, ông Dương Quốc N là bị đơn trình bày:** Bà Lê Thị Bích Nh và ông Năng là vợ chồng, từ năm 2017 đến nay ông Năng có làm kinh tế chung với ông L, ông Năng kiếm đất có vị trí thuận lợi, giá rẽ thì giới hiệu cho ông L nhận chuyển nhượng, ông Năng hưởng hoa hồng bên chủ đất.

Từng lần giao nhận tiền ông Năng không nhớ, nhưng đến ngày 27-9-2018 thừa nhận còn nợ ông L số tiền 8.800.000.000đ, có viết tờ cam kết nhận nợ. Nhưng ông Năng không có khả năng thanh toán, nên ông Năng có giao cho ông L 01 hồ sơ ông Năng đã đặt cọc nhận chuyển nhượng khách sạn của ông Nguyễn Trung Thành, tại Khu phố 2, phường An Thới, thành phố PQ. Ông Năng nhận chuyển nhượng giá 7 tỷ, đã đặt cọc 02 tỷ còn lại 05 tỷ, khi nào bên ông Thành

hoàn tất thủ tục chuyển nhượng thì giao tiền đủ. Theo hợp đồng nếu ông Thành không bán thì bồi thường gấp 05 lần tiền cọc tức thành 10 tỷ. Ông Năng đưa cho ông L xem bản hợp đồng, ông L đồng ý yêu cầu ông Năng giao toàn bộ hợp đồng, giao lại vụ án theo hồ sơ thụ lý số: 103/TB-TLVA ngày 17-4-2018 tại Tòa án nhân dân thành phố PQ để ông L tự xử lý với ông Thành nhằm cấn trừ vào khoản nợ 8,8 tỷ, ông Năng đồng ý việc cấn trừ nợ nên hai bên có lập giấy cam kết ngày 27-9-2018.

Ông L đồng ý cấn trừ nợ nên nhờ Luật sư Lê Minh Hải, địa chỉ: K6, Đại Nài, Tp.Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh tham gia tố tụng với tư cách đại diện theo ủy quyền cho ông Năng trong vụ kiện với ông Nguyễn Trung Thành. Nội dung ông Năng ủy quyền toàn quyền cho ông Hải để ông Hải đi tranh chấp với ông Thành, nếu được quyền lợi thì ông L hưởng, nếu không được quyền lợi thì tự chịu trách nhiệm. Kể từ ngày ủy quyền xong cho đến nay, ông Năng không biết kết quả giải quyết vụ án như thế nào. Khi ông Năng viết tờ cam kết, ông L yêu cầu ủy quyền cho bên Luật sư Hải tham gia tố tụng thì coi như số tiền 8,8 tỷ không còn nợ ông L. Việc Luật sư Hải, có được quyền lợi rồi có thực hiện giao tiền cho ông Thành theo phán quyết của Tòa án hay không thì ông Năng không biết.

Nay ông L thay đổi ý định tiếp tục kiện đòi tiền ông Năng, ông Năng không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông L. Ngoài ra không yêu cầu gì khác *(Bà Lê Thị Bích Nh, thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của ông Năng, bà Nh không yêu cầu gì khác)*

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa như sau:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự và những người tham dự phiên tòa đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên về thời hạn giải quyết vụ án có vi phạm nhưng không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án. Thẩm phán cần rút kinh nghiệm trong quá trình giải quyết các vụ án khác.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L về việc buộc vợ chồng ông Dương Quốc N trả số tiền Tổng số tiền là 8.880.000.000 đồng. Đình chỉ xét xử yêu cầu tính lãi xuất của ông L đối với vợ chồng ông Năng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện được công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Dương Quốc là đồng bị đơn, được Tòa án tống đạt hợp lệ thủ tục xét xử nhưng vắng mặt không rõ lý do. Bà Lê Thị Bích Nh là vợ ông Năng, là bị đơn và bà Trần Thị Tơ là vợ ông L là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp theo quy định tại khoản 1, Điều 227, khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L, lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của ông L, lời khai nại của ông Dương Quốc N, HĐXX thấy rằng; Theo đơn kiện của ông Nguyễn Văn L, lời trình bày của ông Dương Quốc N xác định ông Năng có nợ ông L số tiền 8.800.000.000đ (tám tỷ, tám trăm triệu đồng). Do không có khả năng trả nợ, ông L yêu cầu ông Năng viết Giấy cam kết đề ngày 27-9-2018 (BL17-18) đây là tình tiết các đương sự thừa nhận, không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ông L và người đại diện theo ủy quyền của ông L cho rằng, tuy ông Năng có viết cam kết trên nhưng khi Tòa án nhân dân thành phố PQ giải quyết vụ án theo hồ sơ thụ lý số: 103/TB-TLVA ngày 17-4-2018, đình chỉ theo quyết định số: 08/2019/QĐST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2019 thì ông L không nhận được khoản tiền nào từ việc giải quyết vụ án, nên nội dung cam kết của ông Năng bên ông L không được hưởng quyền lợi gì để cấn trừ số nợ 8.800.000.000đ.

Lời khai nại của ông Dương Quốc N cho rằng, khi ông Năng viết Giấy cam kết ngày 27-9-2018, ông L đưa Luật sư Lê Minh Hải vào thay mặt ông Năng tham gia tố tụng với tư cách bị đơn theo văn bản ủy quyền ngày 15-01-2019, thì ông Năng và ông L đã cấn trừ khoản nợ 8.800.000.000đ.

[2.1] Căn cứ Giấy cam kết ngày 27-9-2018 có nội dung *"Tôi tên Dương Quốc N, sinh năm 1976…đến hôm nay tôi còn nợ anh Nguyễn Văn L số tiền là 8.800.000.000đ. Trong đó anh L giữ của tôi 1 giấy sang nhượng đất 22.000m^2 và tất cả những giấy nợ không còn hiệu lực nữa. Nay tôi và ông Nguyễn Trung Thành tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Khu phố 2, thị trấn An Thới, theo hợp đồng ngày 03-4-2017. Thì bên ông Nguyễn Trung Thành*

phải thực hiện chuyển nhượng khu đất tại Khu phố 2, An Thới nếu ông Thành hủy hợp đồng phải trả lại tôi 02 tỷ và số tiền phạt gấp 5 lần số tiền đã đặt cọc, vụ án đang được thụ lý giải quyết.

Nay tôi viết giấy cam kết với nội dung sau: 1. Nếu bên anh Thành giao khách sạn cho tôi theo phán quyết của Tòa án, tôi cũng giao cho anh L, anh L bán sẽ trả lại số tiền dư cho tôi. 2. Nếu lấy theo Tòa án quyết định thì cũng giao cho anh L, nếu dư anh L trả lại tôi. Anh L trả lại tôi các biên nhận tôi thiếu anh L và hợp đồng mua bán đất Kho đạn giữa tôi và anh L. Hiện tôi đang ký hợp đồng với Công ty Thiên Kim, giờ tôi cũng giao cho anh L luôn và giao toàn bộ giấy tờ gốc mua bán với ông Thành cho ông L giữ hết…".

[2.2] Tuy nhiên, kết quả giải quyết vụ án giữa ông Nguyễn Trung Thành với ông Dương Quốc N bị đình chỉ, do nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện, bị đơn rút yêu cầu phản tố. Tòa án đình chỉ theo quyết định số: 08/2019/QĐST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2019 thì ông L không nhận được khách sạn để bán nhằm cấn trừ vào số nợ 8.800.000.000đ.

Như vậy, tuy ông L và ông Năng xác lập Giấy cam kết ngày 27-9-2018, mục đích là để cấn trừ quyền và nghĩa vụ của khoản tiền nợ 8.800.000.000đ nhưng không thực hiện được. Do đó, việc ông L và người đại diện theo ủy quyền của ông L khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông L phải trả số tiền 8.800.000.000đ là có cơ sở để HĐXX xem xét.

[2.3] Đối với yêu cầu tính lãi, HĐXX thấy rằng. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý rút lại yêu cầu tính lãi, việc rút lại yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp theo quy định của pháp luật, HĐXX chấp nhận áp dụng khoản 1, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này là phù hợp.

[2.4] Từ những nhận định nêu trên, sau khi thảo L nghị án HĐXX chấp nhận toàn bộ lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, không chấp nhận lời khai nại của ông Dương Quốc N. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L, lời trình bày của người đại được ông L ủy quyền về việc buộc vợ chồng ông Dương Quốc N trả số tiền nợ là 8.800.000.000đ (tám tỷ, tám trăm triệu đồng)

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn L khởi kiện được Tòa án chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp

luật. Ông L có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí đề ngày 22 tháng 4 năm 2022, được Tòa án chấp nhận theo thông báo số: 57/TB-TA ngày 17 tháng 6 năm 2022. Ông Dương Quốc N, bà Lê Thị Bích Nh chịu án phí được tính 8.800.000.000đ = 112.000.000đ + (0,1% x 4.800.000.000đ) = 116.800.000đ (một trăm mười sáu triệu tám trăm nghìn đồng)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147; 227; 228; 244; 266; 271 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 351; 275; 280 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L.

2- Buộc vợ chồng ông Dương Quốc N, bà Lê Thị Bích Nh trả số tiền gốc là 8.800.000.000đ (tám tỷ, tám trăm triệu đồng).

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L về việc buộc vợ chồng ông Dương Quốc N, bà Lê Thị Bích Nh trả tiền lãi theo pháp luật (tính từ ngày 27-9-2018 đến ngày 11-6-2024).

4- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông L có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí đề ngày 22 tháng 4 năm 2022, được Tòa án chấp nhận theo thông báo số: 57/TB-TA ngày 17 tháng 6 năm 2022. Ông Dương Quốc N, bà Lê Thị Bích Nh chịu án phí số tiền 116.800.000đ (một trăm mười sáu triệu, tám trăm nghìn đồng) nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố PQ.

5- Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại UBND cấp xã

nơi cư trú để yêu cầu xét xử lại theo trình tự phúc thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh KG.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu, tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Quang Tuyến **Nguyễn Tường Diễm Linh Giang** **Trương Văn Kiệt**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**** Nơi nhận:***
- *TAND tỉnh KG;*
- *VKSND Tp.PQ;*
- *T.H.A DS Tp.PQ;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

Trương Văn Kiệt